

Số: 247/2024/CBTT-HHC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

- Mã chứng khoán: HHC
- Địa chỉ trụ sở chính: 25-27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 024 3863 2956 Fax: 024 3863 8730
- Email: Website: <http://www.haihaco.com.vn/>

2. Nội dung công bố:

- BCTC năm 2023:

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán trong năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Hà Nội, tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/03/2023) - Đại diện theo pháp luật Thành viên (đến ngày 31/03/2023)
Ông Lê Mạnh Linh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/03/2023) Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/04/2023)
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2023)
Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/11/2023)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

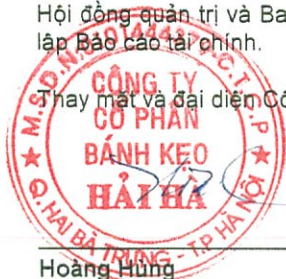
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Hoàng Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Số: 105/2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại Thuyết minh số 9 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2023, số dư khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty và các đối tác với số tiền khoảng 1.149 tỷ đồng (chiếm 65,6% tổng tài sản) để thực hiện các dự án trong các lĩnh vực khác nhau. Công ty và các đối tác đang tiếp tục triển khai và thực hiện các dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Lợi nhuận Công ty được chia từ các hợp đồng này trong năm 2023 khoảng 67,5 tỷ đồng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm giám sát tiến độ và hiệu quả của các dự án và đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh của doanh nghiệp tại ngày 31/12/2023.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0034-2023-055-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1396-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023		01/01/2023	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.416.313.432.314		1.028.394.996.136	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.713.871.251		18.391.796.229	
1. Tiền	111		11.713.871.251		18.391.796.229	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-		86.000.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	-		86.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.308.771.385.970		797.648.655.684	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	120.524.720.152		279.965.781.748	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	122.611.477.640		132.138.111.382	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	11	1.065.635.188.178		385.544.762.554	
IV. Hàng tồn kho	140		95.267.878.393		125.464.606.417	
1. Hàng tồn kho	141	9	95.267.878.393		125.464.606.417	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		560.296.700		889.937.806	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	247.207.286		508.116.739	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.992.941		114.783.743	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	296.096.473		267.037.324	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		334.814.766.218		216.509.107.703	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		135.356.226.975		2.609.446.975	
1. Phải thu dài hạn khác	216	11	135.356.226.975		2.609.446.975	
II. Tài sản cố định	220		153.361.179.377		167.100.308.394	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	152.572.338.551		167.100.308.394	
- Nguyên giá	222		423.567.849.449		422.513.750.125	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.995.510.898)		(255.413.441.731)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		788.840.826		-	
- Nguyên giá	228		1.242.819.280		196.200.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(453.978.454)		(196.200.000)	
III. Tài sản dài hạn khác	260		46.097.359.866		46.799.352.334	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	46.097.359.866		46.799.352.334	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.751.128.198.532		1.244.904.103.839	

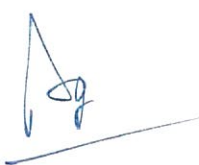
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		31/12/2023	01/01/2023
	số	minh		
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.151.652.927.747	692.365.169.321
I. Nợ ngắn hạn	310		1.150.148.374.882	686.503.024.863
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	80.876.387.455	287.892.186.444
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	120.906.090.907	123.343.700.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.657.016.019	13.509.142.412
4. Phải trả người lao động	314		19.522.080.288	23.863.951.371
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.983.444.804	16.464.658.140
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		355.803.480	1.135.588.479
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	750.328.216.099	20.887.613.132
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	149.372.349.878	191.737.485.402
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.146.985.952	7.668.699.442
II. Nợ dài hạn	330		1.504.552.865	5.862.144.458
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.504.552.865	1.705.822.865
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	4.156.321.593
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		599.475.270.785	552.538.934.518
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	599.475.270.785	552.538.934.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		345.688.716.262	295.541.618.588
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.377.442.223	55.588.203.630
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.801.785.026	2.801.785.026
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		49.575.657.197	52.786.418.604
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.751.128.198.532	1.244.904.103.839

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập



Vũ Xuân Thành

Phụ trách phòng Tài vụ



Vũ Thị Thúy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Hoàng Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	914.966.758.715	1.517.002.029.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	48.647.998.537	62.439.227.324
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	866.318.760.178	1.454.562.802.336
4. Giá vốn hàng bán	11	22	690.884.502.788	1.258.883.394.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		175.434.257.390	195.679.408.249
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	70.531.306.330	75.565.856.782
7. Chi phí tài chính	22	24	47.105.458.087	56.925.207.742
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.866.276.090	56.431.124.247
8. Chi phí bán hàng	25	25	87.518.278.184	123.511.917.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	46.759.573.332	48.051.792.875
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.582.254.117	42.756.346.850
11. Thu nhập khác	31	26	505.689.943	28.653.228.204
12. Chi phí khác	32	27	523.654.547	1.302.312.057
13. Lợi nhuận khác	40		(17.964.604)	27.350.916.147
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.564.289.513	70.107.262.997
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	14.988.632.316	17.320.844.393
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.575.657.197	52.786.418.604
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.018	3.053

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Vũ Xuân Thành

Vũ Thị Thúy

Hoàng Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	64.564.289.513	70.107.262.997
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.147.451.705	17.273.227.115
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	77.361.008	124.076.519
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(70.052.512.082)	(74.381.848.787)
- Chi phí lãi vay	06	46.866.276.090	56.431.124.247
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.602.866.234	69.553.842.091
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(638.735.281.394)	(47.045.831.564)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	30.196.728.024	9.165.222.465
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	486.372.151.328	168.930.134.640
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	962.901.921	2.340.791.454
- Tiền lãi vay đã trả	14	(24.616.552.871)	(54.969.670.504)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.707.382.915)	(20.595.420.782)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(161.034.420)	(214.036.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(108.085.604.093)	127.165.031.409
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.999.619.280)	(9.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	139.730.640	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	86.000.000.000	9.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.805.980.045	70.110.251.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	147.946.091.405	70.110.251.805
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	535.152.290.891	507.843.733.310
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(581.673.748.008)	(705.820.089.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.521.457.117)	(197.976.355.840)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.660.969.805)	(701.072.626)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.391.796.229	19.008.149.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(16.955.173)	84.719.761
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.713.871.251	18.391.796.229

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Vũ Xuân Thành

Vũ Thị Thúy

Hoàng Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 8 ngày 06/04/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 1.071 người (tại ngày 31/12/2022 là 1.172 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Hỗ trợ tổng thầu phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở cộng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh có tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí và các khoản điều chuyển nội bộ.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh 4.7 - Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.7. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- **Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...**

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

4.8. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ

mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác, trong đó:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm;
- Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê.
- Chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh.

4.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp thực tế của cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, tiền đầu tư và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	83.929.481	331.012.026
Tiền gửi ngân hàng	11.629.941.770	18.060.784.203
Cộng	<u>11.713.871.251</u>	<u>18.391.796.229</u>

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Nội Finance	-	81.000.000.000
Chứng chỉ quỹ đầu tư	-	5.000.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>86.000.000.000</u>

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
IMPACT Co., Ltd (Shine Win Trading)	3.778.149.954	4.801.110.356
Công ty Cổ phần ACI Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tamba	12.725.779.780	171.897.854.372
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	38.727.085.322	34.442.265.720
Các khách hàng khác	55.293.705.096	58.824.551.300
Cộng	<u>120.524.720.152</u>	<u>279.965.781.748</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh (*)	121.649.863.082	121.649.863.082
Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ và Đầu tư Xây dựng Trường Sinh	-	9.000.000.000
Các đối tượng khác	961.614.558	1.488.248.300
Cộng	122.611.477.640	132.138.111.382

- (*) Khoản ứng trước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 15/10/2021 và phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh về việc mua bán hàng hóa do Bất động sản Thiên Thanh phân phối. Theo Biên bản thỏa thuận bù trừ công nợ số 01/BBTTCN ngày 16/01/2024 giữa Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà và Công ty TNHH Mesa Health, ba bên thống nhất sẽ tiến hành bù trừ công nợ Hải Hà trả trước cho Thiên Thanh với công nợ Mesa Health đã trả trước cho Hải Hà với số tiền là 118.802.849.479 đồng vào quý 1 năm 2024.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	860.151.876	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.945.809.189	-	80.598.227.268	-
Công cụ, dụng cụ	98.882.897	-	305.870.603	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	155.434.001	-
Thành phẩm	48.620.047.509	-	32.309.904.074	-
Hàng hoá	5.603.138.798	-	11.235.018.595	-
Cộng	95.267.878.393	-	125.464.606.417	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	247.207.286	508.116.739
Chi phí bảo hiểm	246.207.283	345.116.736
Các khoản khác	1.000.003	163.000.003
Dài hạn	46.097.359.866	46.799.352.334
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	41.451.465.337	42.712.192.477
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.141.360.952	2.222.609.892
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	555.555.543	1.335.801.155
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.948.978.034	528.748.810
Cộng	46.344.567.152	47.307.469.073

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.065.635.188.178	-	385.544.762.554	-
Tạm ứng	24.084.589.043	-	24.191.581.417	-
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (i)	917.582.000.000	-	194.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh (ii)	40.000.000.000	-	44.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Zeta (iii)	-	-	43.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh (iv)	59.000.000.000	-	59.000.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi, hợp tác đầu tư	24.335.146.603	-	17.358.838.356	-
- Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (i)	24.335.146.603	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh (ii)	-	-	6.977.178.082	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ZETA (iii)	-	-	4.407.441.096	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh (iv)	-	-	5.950.917.808	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Hà Nội Finance	-	-	23.301.370	-
Các khoản phải thu khác	633.452.532	-	3.294.342.781	-
Dài hạn	135.356.226.975	-	2.609.446.975	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (v)	89.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Zeta (iii)	43.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	2.856.226.975	-	2.609.446.975	-
Cộng	1.200.991.415.153	-	388.154.209.529	-

- (i) Số dư phải thu khác từ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA bao gồm khoản gốc và lãi theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và các phụ lục hợp đồng về việc góp vốn trong lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng, phát triển chuỗi nhà hàng, mức lãi được chia cho Hải Hà được quy định trong từng hợp đồng dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn.
- (ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15.06/2021/HTĐT/QA-HHC ngày 15/06/2021 với Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh về việc hợp tác góp vốn thực hiện dự án "Trồng trà Oolong chất lượng cao" tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (không thành lập pháp nhân mới) do Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh thực hiện. Thời gian hợp tác là 24 tháng và tự động gia hạn thêm 12 tháng tiếp theo trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu hợp tác đầu tư. Mức lợi nhuận được chi trả cho Hải Hà từ việc hợp tác là 10,5%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Trong năm, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.
- (iii) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 21122021/HĐHTĐT/HHC-ZETA ngày 21/12/2021 và phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 12/12/2023 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ZETA về việc góp vốn đầu tư để mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có thời hạn còn lại từ 2-3 năm. Thời gian hợp tác là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và đã được gia hạn thêm 24 tháng, lợi nhuận từ việc hợp tác là 9,95%/năm dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn. Trong năm, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.

- (iv) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 23.12.2021/HTĐT/HT-HH ngày 23/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh về việc góp vốn không thành lập pháp nhân mới thực hiện dự án "Sân tập golf Thạch Cầu" tại Long Biên, Hà Nội. Thời gian hợp tác là 24 tháng và đã được gia hạn đến ngày 27/12/2024. Lợi nhuận từ việc hợp tác là 9,95%/năm trên số tiền góp vốn. Trong năm, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.
- (v) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1303/2023/HĐHTĐT/QAQT-HHC ngày 13/03/2023 với Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị về việc góp vốn đầu tư để cùng khai thác kinh doanh Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá tại xã Vĩnh Chấp và xã Vĩnh Linh, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị do Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 24 tháng và lợi nhuận từ việc hợp tác là 12,65%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn. Trong năm, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm giám sát tiến độ và hiệu quả của các dự án được đầu tư và đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác đầu tư của doanh nghiệp tại ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	153.342.171.638	248.843.263.433	20.020.034.291	308.280.763	422.513.750.125
Mua trong năm	-	1.020.000.000	1.341.703.408	-	2.361.703.408
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.307.604.084)	-	(1.307.604.084)
Tại ngày 31/12/2023	153.342.171.638	249.863.263.433	20.054.133.615	308.280.763	423.567.849.449
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	73.100.301.870	165.186.794.664	16.861.206.363	265.138.834	255.413.441.731
Khấu hao trong năm	4.845.423.804	11.209.823.652	804.875.471	29.550.324	16.889.673.251
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.307.604.084)	-	(1.307.604.084)
Tại ngày 31/12/2023	77.945.725.674	176.396.618.316	16.358.477.750	294.689.158	270.995.510.898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	80.241.869.768	83.656.468.769	3.158.827.928	43.141.929	167.100.308.394
Tại ngày 31/12/2023	75.396.445.964	73.466.645.117	3.695.655.865	13.591.605	152.572.338.551
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	48.009.652.325	116.354.362.223	11.660.343.446	125.550.000	176.149.907.994

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (chi tiết theo Thuyết minh số 15).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	70.192.568.422	70.192.568.422	99.934.428.126	99.934.428.126
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước	-	-	170.730.064.655	170.730.064.655
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	10.683.819.033	10.683.819.033	17.227.693.663	17.227.693.663
Cộng	80.876.387.455	80.876.387.455	287.892.186.444	287.892.186.444

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.573.468.368	17.014.293.146	17.997.192.160	2.590.569.354
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(5.407.793)	874.016.397	876.168.926	(7.560.322)
Thuế xuất, nhập khẩu	(261.629.531)	582.647.806	609.554.426	(288.536.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.859.917.259	14.988.632.316	20.707.382.915	4.141.166.660
Thuế thu nhập cá nhân	73.556.825	956.331.105	929.660.316	100.227.614
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	10.425.248.837	6.602.396.406	3.822.852.431
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.199.960	9.020.000	9.020.000	2.199.960
Cộng	13.242.105.088	44.850.189.607	47.731.375.149	10.360.919.546

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	267.037.324	296.096.473
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.509.142.412	10.657.016.019

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ THUÊ NỢ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Vay ngắn hạn	191.737.485.402	191.737.485.402	539.308.612.484	581.673.748.008	149.372.349.878	149.372.349.878
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	108.280.553.653	108.280.553.653	410.588.614.971	438.614.162.472	80.255.006.152	80.255.006.152
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	16.597.447.234	16.597.447.234	-	16.597.447.234	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	41.921.508.365	41.921.508.365	124.563.675.920	101.526.162.150	64.959.022.135	64.959.022.135
Vay cá nhân	2.000.000	2.000.000	-	-	2.000.000	2.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.935.976.150	24.935.976.150	4.156.321.593	24.935.976.152	4.156.321.591	4.156.321.591
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	17.500.000.000	17.500.000.000	-	17.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	7.435.976.150	7.435.976.150	4.156.321.593	7.435.976.152	4.156.321.591	4.156.321.591
II. Vay dài hạn	4.156.321.593	4.156.321.593	-	4.156.321.593	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	4.156.321.593	4.156.321.593	-	4.156.321.593	-	-
Cộng	195.893.806.995	195.893.806.995	539.308.612.484	585.830.069.601	149.372.349.878	149.372.349.878

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thông tin về các hợp đồng vay của Công ty như sau:**

Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	Số 2020225055597 ngày 06/07/2021 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 08/09/2023	300 tỷ	Bổ sung vốn lưu động	30/08/2024	Công trình xây dựng, các khoản lợi thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Hợp đồng số 125648.051.33450.TD ngày 30/03/2023	100 tỷ	Bổ sung vốn lưu động	25/03/2024	Tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ tại ngân hàng
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	Số 2163DDA/2018/HĐCV ngày 24/12/2018	31,6 tỷ	Thanh toán tiền nhập khẩu máy móc thiết bị	4 năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

Lịch trả nợ vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.156.321.591	24.935.976.150
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	-	4.156.321.593
Cộng	4.156.321.591	29.092.297.743

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Mesa Health (*)	118.802.849.479	118.802.849.479
Các khách hàng khác	2.103.241.428	4.540.850.562
Cộng	<u>120.906.090.907</u>	<u>123.343.700.041</u>

(*) Khoản ứng trước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 22/10/2021 giữa Hải Hà và Công ty TNHH Mesa Health về việc mua bán hàng hóa do Hải Hà phân phối, giá trị hợp đồng là 250 tỷ đồng. Khoản trả trước này sẽ được bù trừ với khoản Hải Hà trả trước cho Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh vào quý 1 năm 2024 theo Biên bản thỏa thuận bù trừ công nợ ba bên. Xem thêm chi tiết tại Thuyết minh số 8.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	423.295.398	591.759.877
Chi phí vận chuyển	406.664.725	343.882.457
Chi phí bán hàng	1.586.184.596	6.775.319.288
Chi phí quảng cáo	1.279.072.649	4.932.775.301
Chi phí khác	4.288.227.436	3.820.921.217
Cộng	<u>7.983.444.804</u>	<u>16.464.658.140</u>

18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	750.328.216.099	20.887.613.132
Kinh phí công đoàn	2.914.347.520	1.819.251.179
Các khoản bảo hiểm	-	2.491.024
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.000.000	135.800.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.436.912.750	16.436.912.750
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh (*)	730.162.406.877	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	708.548.952	2.493.158.179
Dài hạn	1.504.552.865	1.705.822.865
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.504.552.865	1.705.822.865
Cộng	<u>751.832.768.964</u>	<u>22.593.435.997</u>

(*) Số dư phải trả Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh bao gồm tiền gốc 705.882.000.000 đồng và tiền lãi 24.280.406.877 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2809/HĐHTĐT/LM-HH ngày 30/09/2023 về việc góp vốn hợp trong lĩnh vực phân phối sản phẩm bánh kẹo do Hải Hà sản xuất. Thời gian hợp tác là 12 tháng và lợi nhuận từ việc hợp tác là 13,5%/năm trên số tiền Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh đã góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	245.873.013.806	55.084.526.901	502.366.653.007
Lãi trong năm	-	-	-	-	52.786.418.604	52.786.418.604
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	49.668.604.782	(52.282.741.875)	(2.614.137.093)
Tại ngày 01/01/2023	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	295.541.618.588	55.588.203.630	552.538.934.518
Lãi trong năm	-	-	-	-	49.575.657.197	49.575.657.197
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	50.147.097.674	(52.786.418.604)	(2.639.320.930)
Tại ngày 31/12/2023	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	345.688.716.262	52.377.442.223	599.475.270.785

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 25/04/2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển số tiền 50.147.097.674 đồng; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 2.639.320.930 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp
		VND		VND
Ông Lưu Văn Vũ	24,00%	39.420.000.000	24,00%	39.420.000.000
Bà Trương Thị Bửu	24,00%	39.420.000.000	24,00%	39.420.000.000
Các cổ đông khác	52,00%	85.410.000.000	52,00%	85.410.000.000
Cộng	100%	164.250.000.000	100%	164.250.000.000

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại - USD	155.587,87	139.011,64

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	914.966.758.715	1.517.002.029.660
Doanh thu bán thành phẩm	740.407.431.920	942.674.668.123
Doanh thu bán hàng hóa	156.948.027.831	555.262.453.984
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	17.611.298.964	19.064.907.553
Các khoản giảm trừ doanh thu	48.647.998.537	62.439.227.324
Chiết khấu thương mại	33.770.825.609	47.789.627.316
Hàng bán bị trả lại	14.877.172.928	14.649.600.008
Doanh thu thuần	866.318.760.178	1.454.562.802.336

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	554.253.298.601	706.385.011.338
Giá vốn hàng hóa đã bán	136.631.204.187	552.498.382.749
Cộng	690.884.502.788	1.258.883.394.087

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi hợp tác đầu tư	69.912.781.442	74.410.265.442
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	618.524.888	1.155.591.340
Cộng	70.531.306.330	75.565.856.782

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư	46.866.276.090	56.431.124.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	161.820.989	370.006.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	77.361.008	124.076.519
Cộng	47.105.458.087	56.925.207.742

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng	87.518.278.184	123.511.917.564
Chi phí nhân viên bán hàng	44.569.808.511	57.114.931.109
Chi phí vật liệu, bao bì	833.029.534	596.999.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.323.774	516.974.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.217.392.886	47.922.979.387
Chi phí khác	9.491.723.479	17.360.032.938
Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.759.573.332	48.051.792.875
Chi phí nhân viên quản lý	14.264.918.839	15.371.459.017
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	280.687.482	308.018.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.314.774	144.733.176
Thuế, phí và lệ phí	10.434.248.837	11.041.322.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.386.598.792	19.655.051.582
Chi phí khác	922.804.608	1.531.207.939
Cộng	134.277.851.516	171.563.710.439

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi thanh lý TSCĐ	139.730.640	-
Thu từ hợp tác đầu tư	-	28.227.272.727
Phạt vi phạm hợp đồng	280.616.438	-
Điều chỉnh công nợ không phải trả theo quyết toán thuế	-	351.981.397
Các khoản khác	85.342.865	73.974.080
Cộng	505.689.943	28.653.228.204

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lỗi thanh lý tài sản cố định	-	28.416.655
Các khoản truy thu, phạt thuế	248.346.208	1.116.469.756
Chi phí khác	275.308.339	157.425.646
Cộng	523.654.547	1.302.312.057

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	474.077.178.848	603.343.080.556
Chi phí nhân công	129.527.362.036	155.755.411.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.147.451.705	17.273.227.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.585.312.051	84.735.395.175
Chi phí khác	20.848.776.924	34.232.134.638
Cộng	713.186.081.564	895.339.249.438

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	64.564.289.513	70.107.262.997
<i>Điều chỉnh cho thu nhập trước thuế</i>	<i>10.378.872.064</i>	<i>14.910.013.541</i>
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	10.378.872.064	14.910.013.541
Thu nhập chịu thuế	74.943.161.577	85.017.276.538
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN năm nay	14.988.632.315	17.003.455.308
Truy thu thuế TNDN năm trước	-	317.389.085
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.988.632.316	17.320.844.393

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.575.657.197	52.786.418.604
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.639.320.930
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	49.575.657.197	50.147.097.674
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.425.000	16.425.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.018	3.053

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào việc phân phối lợi nhuận sau thuế theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 25/04/2023 về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber	Có cùng chủ tịch HĐQT là ông Lê Mạnh Linh (đến ngày 31/03/2023)

Số dư với bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý quỹ Amber	-	5.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ 31/03/2023) Thành viên HĐQT (đến 31/03/2023)	80.000.000	-
Ông Lê Mạnh Linh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/03/2023)	20.000.000	-
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT	80.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên HĐQT	80.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên HĐQT	80.000.000	-
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	130.498.687
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	682.526.846
Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2023)	165.118.769	-
Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/11/2023)	144.311.385	-
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	817.600.515	171.832.000
Cộng		1.467.030.669	984.857.533

32. THÔNG TIN KHÁC

Thù lao của Ban kiểm soát

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thù lao của Ban kiểm soát	190.000.000	-

33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH


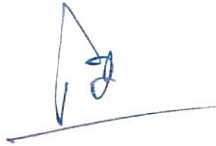
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Xuân Thành

Vũ Thị Thúy

Hoàng Hùng